

Số: /201.../TT-BGTVT

Hà Nội, ngày tháng năm 201...

Dự thảo ngày 14/12/2018

THÔNG TƯ

Quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo chất lượng thực hiện và chế độ, quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 102/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 44/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo chất lượng thực hiện và chế độ, quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không.

Chương 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo chất lượng thực hiện và chế độ, quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không.

2. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng không là tài sản được quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 44/2018/NĐ-CP, bao gồm:

a) Đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ và các công trình phụ trợ của sân bay;

b) Công trình phục vụ bảo đảm an ninh hàng không, khẩn nguy sân bay;

c) Công trình cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay;

d) Các tài sản kết cấu hạ tầng hàng không khác.

2. Bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không là tập hợp các công việc nhằm bảo đảm và duy trì sự làm việc bình thường, an toàn của tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo quy định của thiết kế trong quá trình khai thác sử dụng. Nội dung bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không có thể bao gồm một, một số hoặc toàn bộ các công việc sau: Kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng, bảo dưỡng và sửa chữa tài sản nhưng không bao gồm các hoạt động làm thay đổi công năng, quy mô tài sản.

3. Các từ viết tắt:

a) ILS, DME, LLZ, GP: Được giải thích tại Điều 3 Thông tư 19/2017/TT-BGTVT ngày 06/6/2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý và bảo đảm hoạt động bay;

b) Nghị định số 46/2015/NĐ-CP: Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

c) Nghị định số 44/2018/NĐ-CP: Nghị định số 44/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không.

Chương 2

TIÊU CHÍ GIÁM SÁT, NGHIỆM THU KẾT QUẢ BẢO TRÌ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG KHÔNG THEO CHẤT LƯỢNG THỰC HIỆN

Điều 3. Phê duyệt hình thức bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không

1. Công tác bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được thực hiện theo hai hình thức: Bảo trì theo chất lượng thực hiện và bảo trì theo khối lượng thực tế theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 44/2018/NĐ-CP.

2. Hình thức bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo chất lượng thực hiện được khuyến khích áp dụng cho các công việc sau:

- a) Kiểm tra, bảo dưỡng hạng mục hệ thống đèn hiệu hàng không;
- b) Kiểm tra, bảo dưỡng hạng mục hệ thống ILS/DME.

3. Hình thức bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo khối lượng thực tế được áp dụng cho tất cả các công việc bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không, bao gồm cả hai hạng mục hệ thống đèn hiệu hàng không và hệ thống ILS/DME.

4. Bộ Giao thông vận tải quyết định phê duyệt việc áp dụng hình thức bảo trì theo chất lượng thực hiện hoặc theo khối lượng thực tế trên cơ sở đề xuất của cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp được giao sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không và báo cáo thẩm định của Cục Hàng không Việt Nam.

Điều 4. Yêu cầu đối với công tác kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống đèn hiệu hàng không và hệ thống ILS/DME theo chất lượng thực hiện

1. Yêu cầu đối với công tác kiểm tra hệ thống đèn hiệu hàng không theo chất lượng thực hiện:

a) Kiểm tra việc thực hiện các công việc theo quy trình bảo trì hệ thống đèn hiệu hàng không được phê duyệt:

Kiểm tra về điện hệ thống đèn hiệu hàng không;

Kiểm tra về kết cấu cơ khí, xây dựng hệ thống đèn hiệu hàng không;

Kiểm tra về quang học đối với hệ thống đèn hiệu hàng không;

Kiểm tra khả năng làm việc của thiết bị đèn hiệu hàng không: kiểm tra các thông số, trạng thái hoạt động.

b) Kiểm tra điều kiện, môi trường làm việc của phòng máy điều dòng và khu vực làm việc: tình trạng vệ sinh, tình trạng hoạt động của máy điều hòa, máy hút ẩm, tình trạng hoạt động của đèn chiếu sáng;

c) Kiểm tra đảm bảo nguồn cung cấp điện (bao gồm cả nguồn điện chính và nguồn điện dự phòng);

d) Kiểm tra đảm bảo an ninh an toàn, phòng chống cháy nổ, tiếp địa chống sét tại các phòng máy điều dòng và khu vực làm việc;

đ) Kiểm tra việc thực hiện ghi chép đầy đủ vào sổ sách, biểu mẫu các kết quả kiểm tra. Đảm bảo kịp thời có các báo cáo đánh giá, kiến nghị, yêu cầu công tác bảo dưỡng/ sửa chữa/ thay thế (nếu có) đối với các hạng mục đã được kiểm tra.

2. Yêu cầu đối với công tác kiểm tra hệ thống ILS/DME theo chất lượng thực hiện:

a) Kiểm tra việc thực hiện các công việc theo quy trình bảo trì hệ thống ILS/DME được phê duyệt:

Kiểm tra về kết cấu cơ khí hệ thống ăng-ten ILS/DME;

Kiểm tra khả năng làm việc hệ thống ILS/DME: kiểm tra các thông số, trạng thái hoạt động hệ thống đèn báo trên mặt máy, hệ thống giám sát và điều khiển từ xa;

Kiểm tra bề mặt mặt phản xạ ăng-ten GP, LLZ.

b) Kiểm tra điều kiện, môi trường làm việc của phòng máy và khu làm việc;

c) Kiểm tra đảm bảo nguồn cung cấp điện (bao gồm cả nguồn điện chính và nguồn điện dự phòng);

d) Kiểm tra việc thực hiện ghi chép đầy đủ vào sổ sách, biểu mẫu các kết quả kiểm tra đảm bảo kịp thời có các báo cáo đánh giá, kiến nghị, yêu cầu công tác bảo dưỡng/ sửa chữa/ thay thế (nếu cần thiết) đối với các hạng mục đã được kiểm tra.

3. Yêu cầu đối với công tác bảo dưỡng hệ thống đèn hiệu hàng không theo chất lượng thực hiện:

a) Đảm bảo thực hiện đầy đủ các công tác bảo dưỡng theo quy định hiện hành và theo tài liệu, quy trình bảo trì được phê duyệt:

Bảo dưỡng hệ thống nguồn điện (bao gồm cả nguồn điện chính và nguồn điện dự phòng);

Bảo dưỡng hệ thống điều dòng;

Bảo dưỡng hệ thống tủ điều khiển;

Bảo dưỡng hệ thống đèn;

Bảo dưỡng hệ thống tiếp đất, chống sét;

Bảo dưỡng hệ thống điều hòa, máy hút ẩm trong phòng máy.

b) Đảm bảo thực hiện ghi chép đầy đủ vào sổ sách, biểu mẫu các công tác bảo dưỡng.

4. Yêu cầu đối với công tác bảo dưỡng hệ thống ILS/DME theo chất lượng thực hiện:

a) Đảm bảo thực hiện đầy đủ các công tác bảo dưỡng theo quy định hiện hành và theo tài liệu, quy trình bảo trì được phê duyệt:

Bảo dưỡng hệ thống nguồn điện (bao gồm cả nguồn điện chính và nguồn điện dự phòng);

Bảo dưỡng hệ thống ILS/DME;

Bảo dưỡng hệ thống tiếp đất, chống sét;

Bảo dưỡng hệ thống điều hòa, máy hút ẩm trong phòng máy;

Bảo dưỡng bề mặt phản xạ ăng-ten GP, LLZ.

b) Đảm bảo thực hiện ghi chép đầy đủ vào sổ sách, biểu mẫu các công tác bảo dưỡng.

Điều 5. Tiêu chí giám sát công tác kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống đèn hiệu hàng không và hệ thống ILS/DME theo chất lượng thực hiện

1. Tiêu chí giám sát công tác kiểm tra hệ thống đèn hiệu hàng không theo chất lượng thực hiện:

a) Công tác kiểm tra:

Kiểm tra tổng thể tình trạng kỹ thuật toàn bộ thiết bị của hệ thống đèn hiệu hàng không;

Kiểm tra về điện, điện tử: điện áp, tình trạng dây dẫn điện, dây tiếp địa, lớp cách điện, nguồn cung cấp điện (bao gồm cả nguồn điện chính và nguồn điện dự phòng), phần điều khiển, ...;

Kiểm tra về kết cấu cơ khí, xây dựng đối với hệ thống đèn: lớp sơn bảo vệ, độ rỉ sét, các hư hỏng (nếu có);

Kiểm tra về quang học đối với hệ thống đèn hiệu hàng không;

Kiểm tra khả năng làm việc của thiết bị hệ thống đèn hiệu hàng không: các thông số phải đảm bảo nằm trong ngưỡng quy định theo tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất thiết bị và theo tiêu chuẩn hiện hành do Cục Hàng không Việt Nam quy định áp dụng (nếu có);

Kiểm tra việc đảm bảo an ninh an toàn, phòng chống cháy nổ, tiếp địa chống sét;

Kiểm tra về điều kiện, môi trường làm việc của phòng máy, khu vực làm việc để đảm bảo các điều kiện làm việc của thiết bị: kiểm tra hoạt động của máy điều hòa, đảm bảo nhiệt độ và độ ẩm bên trong phòng máy, kiểm tra ánh sáng của phòng máy;

Kiểm tra việc thực hiện ghi chép sổ sách, biểu mẫu theo từng loại thiết bị.

b) Nhân lực, trang thiết bị, thời gian thực hiện công tác kiểm tra:

Nhân sự phải có đầy đủ giấy phép, năng định khai thác, bảo dưỡng hệ thống đèn hiệu hàng không do Cục Hàng không Việt Nam cấp hoặc chứng nhận của hãng cung cấp thiết bị;

Trang thiết bị dụng cụ phục vụ công tác kiểm tra phải đầy đủ đúng thông số, chủng loại theo quy trình vận hành khai thác của thiết bị;

Thời gian thực hiện, tần suất kiểm tra tuân theo quy trình vận hành khai thác cho riêng từng loại thiết bị đã được phê duyệt.

2. Tiêu chí giám sát công tác kiểm tra hệ thống ILS/DME theo chất lượng thực hiện:

a) Công tác kiểm tra:

Kiểm tra tổng thể tình trạng kỹ thuật toàn bộ thiết bị hệ thống ILS/DME;

Kiểm tra khả năng làm việc của thiết bị hệ thống ILS/DME: các thông số kỹ thuật, tham số giám sát chính của hệ thống khi hoạt động phải đảm bảo nằm trong ngưỡng quy định theo tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất thiết bị và theo tiêu chuẩn hiện hành do Cục Hàng không Việt Nam quy định áp dụng (nếu có), các đèn báo trên mặt máy, hệ thống giám sát và điều khiển từ xa phải ở trạng thái bình thường;

Kiểm tra điều kiện, môi trường làm việc của phòng máy, khu vực làm việc để đảm bảo các điều kiện làm việc của thiết bị: kiểm tra hoạt động của máy điều hòa, máy hút ẩm, đảm bảo nhiệt độ và độ ẩm bên trong phòng máy, kiểm tra ánh sáng của phòng máy, kiểm tra tình trạng vệ sinh;

Kiểm tra tình trạng can nhiễu của bề mặt phản xạ do cây cỏ mọc quá cao, ngập nước...;

Kiểm tra về điện, điện tử: phần điều khiển, điện áp, tình trạng dây dẫn điện, dây tiếp địa, lớp cách điện, nguồn cung cấp điện (bao gồm cả nguồn điện chính và nguồn điện dự phòng), đảm bảo duy trì nguồn cung cấp điện (bao gồm cả nguồn điện chính và nguồn điện dự phòng) theo tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất;

Kiểm tra về kết cấu cơ khí, xây dựng đối với hệ thống đèn: lớp sơn bảo vệ, độ rỉ sét, các hư hỏng (nếu có);

Kiểm tra việc đảm bảo an ninh an toàn, phòng chống cháy nổ, tiếp địa chống sét;

Kiểm tra việc thực hiện ghi chép sổ sách, biểu mẫu theo từng loại thiết bị.

b) Nhân lực, trang thiết bị, thời gian thực hiện công tác kiểm tra

Nhân sự phải có đầy đủ giấy phép, năng định khai thác, bảo dưỡng hệ thống ILS/DME còn hiệu lực do Cục Hàng không Việt Nam cấp hoặc chứng nhận của hãng cung cấp thiết bị;

Trang thiết bị dụng cụ phục vụ công tác kiểm tra phải đầy đủ đúng thông số, chủng loại theo quy trình vận hành khai thác của thiết bị;

Thời gian thực hiện, tần suất kiểm tra tuân theo quy trình vận hành khai thác cho riêng từng loại thiết bị đã được phê duyệt.

3. Tiêu chí giám sát công tác bảo dưỡng hệ thống đèn hiệu hàng không theo chất lượng thực hiện:

a) Công tác bảo dưỡng:

Bảo dưỡng định kỳ thiết bị của hệ thống đèn hiệu hàng không đảm bảo nằm trong ngưỡng quy định theo tài liệu của nhà sản xuất thiết bị và theo tiêu chuẩn hiện hành do Cục Hàng không Việt Nam quy định áp dụng (nếu có);

Bảo dưỡng hệ thống nguồn điện (bao gồm cả nguồn điện chính và nguồn điện dự phòng) theo tài liệu bảo dưỡng được phê duyệt;

Bảo dưỡng hệ thống điều dòng theo tài liệu bảo dưỡng được phê duyệt;

Bảo dưỡng hệ thống tủ điều khiển theo tài liệu bảo dưỡng được phê duyệt;

Bảo dưỡng đèn hiệu hàng không: vệ sinh công nghiệp, siết chặt các điểm tiếp xúc;

Bảo dưỡng kết cấu cơ khí, xây dựng: sơn bảo dưỡng, siết chặt bu lông,...;

Bảo dưỡng hệ thống tiếp đất, chống sét;

Bảo dưỡng hệ thống điều hòa, đảm bảo nhiệt độ bên trong phòng máy theo đúng tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất;

Công tác bảo dưỡng được ghi chép vào sổ sách, biểu mẫu theo từng loại thiết bị.

b) Nhân lực, trang thiết bị, thời gian thực hiện công tác bảo dưỡng:

Nhân sự phải có đầy đủ giấy phép, năng định khai thác, bảo dưỡng hệ thống đèn hiệu hàng không còn hiệu lực do Cục Hàng không Việt Nam cấp hoặc chứng nhận của hãng cung cấp thiết bị;

Trang thiết bị, vật tư phục vụ công tác bảo dưỡng phải đúng thông số, chủng loại theo quy trình bảo dưỡng cho riêng từng loại thiết bị. Riêng thiết bị đo lường phải còn trong thời hạn kiểm định;

Thời gian thực hiện, tần suất thực hiện tuân thủ theo quy trình bảo dưỡng cho riêng từng loại thiết bị đã được phê duyệt;

Thực hiện các giải pháp đảm bảo an toàn lao động cho người và thiết bị trong quá trình thực hiện công tác bảo dưỡng.

4. Tiêu chí giám sát công tác bảo dưỡng hệ thống ILS/DME theo chất lượng thực hiện:

a) Công tác bảo dưỡng:

Hệ thống ILS/DME phải được bảo dưỡng với tần suất/nội dung thực hiện theo quy trình bảo dưỡng định kỳ được xây dựng dựa theo tài liệu của nhà sản xuất thiết bị và đã được phê duyệt. Kết quả bảo dưỡng phải được lưu trữ và cập nhật vào lý lịch thiết bị;

Bảo dưỡng hệ thống ILS/DME (Đài LLZ/GP/DME) theo quy trình bảo trì đã được phê duyệt: bảo dưỡng định kỳ, bảo dưỡng chuyển mùa kỹ thuật;

Sau khi bảo dưỡng, hệ thống ILS/DME phải đảm bảo hoạt động ổn định, đúng thông số kỹ thuật;

Công tác bảo dưỡng được ghi chép vào sổ sách, biểu mẫu theo từng loại thiết bị.

b) Nhân lực, trang thiết bị, thời gian thực hiện công tác bảo dưỡng:

Nhân sự phải có đầy đủ giấy phép, năng định khai thác, bảo dưỡng hệ thống ILS/DME còn hiệu lực do Cục Hàng không Việt Nam cấp hoặc chứng nhận của hãng cung cấp thiết bị;

Trang thiết bị, vật tư phục vụ công tác bảo dưỡng phải đúng thông số, chủng loại theo quy trình bảo dưỡng cho riêng từng loại thiết bị trong khu bay. Riêng thiết bị đo lường phải còn trong thời hạn kiểm định;

Thời gian thực hiện, tần suất thực hiện tuân theo quy trình bảo dưỡng cho riêng từng loại thiết bị đã được phê duyệt;

Thực hiện các giải pháp đảm bảo an toàn lao động cho người và thiết bị trong quá trình thực hiện công tác bảo dưỡng.

Điều 6. Tiêu chí nghiệm thu kết quả công tác kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống đèn hiệu hàng không và hệ thống ILS/DME theo chất lượng thực hiện

1. Tiêu chí nghiệm thu công tác kiểm tra hệ thống đèn hiệu hàng không và hệ thống ILS/DME theo chất lượng thực hiện:

Hạng mục	Mức độ đáp ứng	Đánh giá (điểm)
Hệ thống đèn hiệu hàng không	Thực hiện đầy đủ công tác kiểm tra phần điện.	10
	Thực hiện đầy đủ công tác kiểm tra phần điện tử và quang học, đường truyền tín hiệu, điều khiển.	10
	Thực hiện đầy đủ công tác kiểm tra phần cơ khí.	10
	Các thông số kỹ thuật khi hoạt động của hệ thống không thay đổi hoặc thay đổi trong giới hạn cho phép so với kết quả bay hiệu chuẩn thiết bị định kỳ đạt yêu cầu.	30
	Thực hiện đầy đủ công tác kiểm tra điều kiện, môi trường làm việc phòng máy, khu vực làm việc: đảm bảo nhiệt độ và độ ẩm bên trong phòng máy theo đúng tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất.	10
	Thực hiện đầy đủ công tác kiểm tra việc thực hiện các biện pháp đảm bảo an ninh an toàn, phòng chống cháy nổ, an toàn điện.	20
	Cập nhật, lưu trữ đầy đủ hồ sơ, tài liệu kết quả kiểm tra.	10
	Tổng điểm	100
Hệ thống ILS/DME	Thực hiện đầy đủ công tác kiểm tra phần điện.	10
	Thực hiện đầy đủ công tác kiểm tra phần điện tử, đường truyền tín hiệu, điều khiển, mặt phản xạ.	10
	Thực hiện đầy đủ công tác kiểm tra phần cơ khí.	10
	Các thông số kỹ thuật khi hoạt động của hệ thống không thay đổi hoặc thay đổi trong giới hạn cho phép so với kết quả bay hiệu chuẩn thiết bị định kỳ đạt yêu cầu.	30

	Thực hiện đầy đủ công tác kiểm tra điều kiện, môi trường làm việc phòng máy, khu vực làm việc.	10
	Thực hiện đầy đủ công tác kiểm tra việc thực hiện các biện pháp đảm bảo an ninh an toàn, phòng chống cháy nổ, an toàn điện.	20
	Cập nhật, lưu trữ đầy đủ hồ sơ, tài liệu kết quả kiểm tra.	10
	Tổng điểm	100

2. Tiêu chí nghiệm thu công tác bảo dưỡng hệ thống đèn hiệu hàng không và hệ thống ILS/DME theo chất lượng thực hiện:

Hạng mục	Mức độ đáp ứng	Đánh giá (điểm)
Hệ thống đèn hiệu hàng không	Thực hiện đầy đủ công tác bảo dưỡng phân điện đạt yêu cầu.	10
	Thực hiện đầy đủ công tác bảo dưỡng phân điện tử và quang học, đường truyền tín hiệu, điều khiển đạt yêu cầu.	10
	Thực hiện đầy đủ công tác bảo dưỡng phân cơ khí đạt yêu cầu.	10
	Các thông số kỹ thuật khi hoạt động của hệ thống không thay đổi hoặc thay đổi trong giới hạn cho phép so với kết quả bay hiệu chuẩn thiết bị định kỳ đạt yêu cầu.	30
	Thực hiện đầy đủ công tác bảo dưỡng đối với phòng máy, phòng làm việc nhằm đảm bảo điều kiện, môi trường làm việc: Đảm bảo nhiệt độ và độ ẩm bên trong phòng máy theo đúng tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất.	10
	Thực hiện đầy đủ các biện pháp đảm bảo an ninh an toàn, phòng chống cháy nổ, an toàn điện.	20
	Công tác bảo dưỡng được ghi chép đầy đủ vào sổ sách, biểu mẫu theo quy định.	10

	Tổng điểm	100
Hệ thống ILS/DME	Thực hiện đầy đủ công tác bảo dưỡng phần điện đạt yêu cầu.	10
	Thực hiện đầy đủ công tác bảo dưỡng phần điện tử, đường truyền tín hiệu, điều khiển, mặt phản xạ đạt yêu cầu.	10
	Thực hiện đầy đủ công tác bảo dưỡng phần cơ khí đạt yêu cầu.	10
	Các thông số kỹ thuật khi hoạt động của hệ thống không thay đổi hoặc thay đổi trong giới hạn cho phép so với kết quả bay hiệu chuẩn thiết bị định kỳ đạt yêu cầu.	30
	Thực hiện đầy đủ công tác bảo dưỡng đối với phòng máy, phòng làm việc nhằm đảm bảo điều kiện, môi trường làm việc: đảm bảo nhiệt độ và độ ẩm bên trong phòng máy theo đúng tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất.	10
	Thực hiện đầy đủ các biện pháp đảm bảo an ninh an toàn, phòng chống cháy nổ, an toàn điện.	20
	Công tác bảo dưỡng được ghi chép đầy đủ vào sổ sách, biểu mẫu theo quy định.	10
	Tổng điểm	100

3. Kết quả nghiệm thu công tác kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống đèn hiệu hàng không và hệ thống ILS/DME theo chất lượng thực hiện:

Hạng mục	Tổng điểm đánh giá	Kết quả nghiệm thu
Hệ thống đèn hiệu hàng không	Từ 90 đến 100 điểm	Công tác kiểm tra, bảo dưỡng tốt: nghiệm thu.
	Từ 81 đến 90 điểm	Công tác kiểm tra, bảo dưỡng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật: nghiệm thu.
	Dưới 81 điểm	Công tác kiểm tra, bảo dưỡng chưa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật: không

		nghiệm thu.
Hệ thống ILS/DME	Từ 90 đến 100 điểm	Công tác kiểm tra, bảo dưỡng tốt: nghiệm thu.
	Từ 81 đến 90 điểm	Công tác kiểm tra, bảo dưỡng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật: nghiệm thu.
	Dưới 81 điểm	Công tác kiểm tra, bảo dưỡng chưa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật: không nghiệm thu.

Chương 3

CHẾ ĐỘ, QUY TRÌNH BẢO TRÌ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG KHÔNG

Điều 7. Chế độ bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không

1. Kiểm tra tài sản kết cấu hạ tầng hàng không:
 - a) Việc kiểm tra có thể bằng trực quan hoặc bằng thiết bị chuyên dụng;
 - b) Kiểm tra bao gồm kiểm tra theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình bảo trì được duyệt; kiểm tra thường xuyên, định kỳ và đột xuất nhằm phát hiện các dấu hiệu xuống cấp, hư hỏng của tài sản làm cơ sở cho việc bảo trì tài sản.
2. Bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được thực hiện theo kế hoạch bảo trì hàng năm và quy trình bảo trì được phê duyệt.
3. Sửa chữa tài sản kết cấu hạ tầng hàng không:
 - a) Sửa chữa là các hoạt động khắc phục hư hỏng của tài sản được phát hiện trong quá trình khai thác, sử dụng nhằm đảm bảo sự làm việc bình thường, an toàn của tài sản;
 - b) Sửa chữa bao gồm sửa chữa định kỳ và sửa chữa đột xuất theo quy định tại khoản 4 Điều 40 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.
4. Kiểm định tài sản kết cấu hạ tầng hàng không:
 - a) Kiểm định là hoạt động kiểm tra, đánh giá chất lượng hoặc nguyên nhân hư hỏng, giá trị, thời hạn sử dụng và các thông số kỹ thuật khác của tài sản thông qua quan trắc, thí nghiệm kết hợp với việc tính toán, phân tích;
 - b) Kiểm định được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 40 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.
5. Quan trắc tài sản kết cấu hạ tầng hàng không:

a) Quan trắc là hoạt động theo dõi, đo đạc, ghi nhận sự biến đổi về hình học, biến dạng, chuyển vị và các thông số kỹ thuật khác của tài sản và môi trường xung quanh theo thời gian;

b) Yêu cầu và danh mục tài sản bắt buộc quan trắc quy định tại Điều 6 Thông tư này.

Điều 8. Quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không

1. Lập và phê duyệt quy trình bảo trì:

a) Nội dung quy trình bảo trì quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

b) Quy trình bảo trì do các nhà thầu lập và bàn giao cho chủ đầu tư trong quá trình thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 38 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

c) Trách nhiệm lập và phê duyệt quy trình bảo trì được thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 38 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

d) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không chưa có quy trình bảo trì thì cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp được giao sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không tổ chức lập và phê duyệt quy trình bảo trì tài sản theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 38 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

2. Lập, phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch bảo trì:

a) Kế hoạch bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không bao gồm các nội dung chính sau: Tên hạng mục (công việc) thực hiện; hình thức bảo trì; đơn vị, khối lượng, kinh phí thực hiện; thời gian thực hiện; phương thức thực hiện; mức độ ưu tiên. Kế hoạch bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được lập theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Hàng năm, trên cơ sở quy trình bảo trì được phê duyệt và hiện trạng tài sản, cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp được giao sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không lập, trình Cục Hàng không Việt Nam thẩm định kế hoạch bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không cho năm sau trước ngày 30/5. Cục Hàng không Việt Nam trình Bộ Giao thông vận tải kết quả thẩm định kế hoạch bảo trì trước ngày 15/6. Bộ Giao thông vận tải chấp thuận nội dung kế hoạch bảo trì; cho phép tiến hành công tác chuẩn bị đầu tư đối với các hạng mục sửa chữa tài sản cần lập dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật trước ngày 30/6;

c) Căn cứ vào sự chấp thuận của Bộ Giao thông vận tải về nội dung kế hoạch bảo trì và danh mục sửa chữa tài sản được phép tiến hành công tác chuẩn

bị đầu tư, cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp được giao sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không tổ chức lập dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật sửa chữa tài sản, trình Cục Hàng không Việt Nam thẩm định, phê duyệt trước ngày 30/9. Cục Hàng không Việt Nam ban hành quyết định phê duyệt dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật; tổng hợp, hoàn thiện kế hoạch bảo trì, trình Bộ Giao thông vận tải trước ngày 31/10;

d) Bộ Giao thông vận tải phê duyệt kế hoạch bảo trì; thông báo giao dự toán kinh phí bảo trì cho năm sau trước ngày 31/12;

đ) Kế hoạch bảo trì được điều chỉnh khi có nhu cầu trong quá trình thực hiện. Cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp được giao sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không báo cáo Cục Hàng không Việt Nam nhu cầu và các nội dung điều chỉnh kế hoạch bảo trì để Cục Hàng không Việt Nam thẩm định, trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt.

3. Thực hiện kế hoạch bảo trì:

a) Căn cứ kế hoạch bảo trì được phê duyệt, Cục Hàng không Việt Nam, cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp được giao sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì, báo cáo kết quả thực hiện theo đúng quy định;

b) Cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp được giao sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không có trách nhiệm triển khai thực hiện bảo đảm trình tự thủ tục, tiến độ, chất lượng, hiệu quả sử dụng vốn trong kế hoạch bảo trì theo đúng quy định của pháp luật;

c) Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng không Việt Nam tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất việc thực hiện kế hoạch bảo trì.

4. Kinh phí bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được sử dụng từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

Chương 4

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 3 năm 2019.

2. Quá trình thực hiện, nếu các văn bản liên quan đề cập tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Cục Hàng không Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam;
- Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo Giao thông;
- Lưu: VT, KCHT.

PHỤ LỤC

Ban hành kèm theo Thông tư số/201../TT-BGTVT ngày .../.../201.. của
Bộ Giao thông vận tải

Mẫu số 01

KẾ HOẠCH BẢO TRÌ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG KHÔNG NĂM...

TT	Hạng mục (công việc)	Hình thức bảo trì	Đơn vị	Khối lượng	Kinh phí (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Mức độ ưu tiên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Kiểm tra							
2	Bảo dưỡng							
3	Sửa chữa định kỳ							
4	Sửa chữa đột xuất							
5	Kiểm định							
6	Quan trắc							
7	Công tác khác							
8	Dự phòng							
	Tổng cộng							

Ghi chú:

Cột số 9 – Mức độ ưu tiên: Ghi mức độ ưu tiên 1 (rất cần thiết); 2 (cần thiết).